

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN THÁI DƯƠNG

---o0o---
Số: 75./2022/TDC-CBTT
V/v CBTT BCTC bán niên 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---
TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
THÁI DƯƠNG

Địa chỉ : Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận
7, TP.HCM

Điện thoại : +84.2854160779 Fax: +84.285416780

Email : info@thaiduongcapital.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quỳnh Chi

Địa chỉ : 98, đường 47, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM

Điện thoại : +84.2854160779 Fax: +84.285416780

Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính của Công ty quản lý quỹ bán niên 2022 và công
văn giải trình lợi nhuận kỳ báo cáo chênh lệch so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu, HC-VP

Người thực hiện công bố thông tin



Lê Quỳnh Chi

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương

Địa chỉ: Phòng 28-10, Tầng 28, Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM

Điện thoại: +84-28.5416 0779/+84.947002050 Fax: +84.28.5416 0780 Email: info@thaiduongcapital.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2022	01/01/2022
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		26.935.927.039	26.709.609.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.186.221.629	16.760.364.637
1. Tiền	111		19.186.221.629	16.760.364.637
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.176.735.722	9.876.735.722
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.176.735.722	9.876.735.722
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		570.000.000	69.963.842
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		64.000.000	64.000.000
5. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	135		550.000.000	49.963.842
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(44.000.000)	(44.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.969.688	2.545.454
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.969.688	2.545.454
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		6.584.639	8.481.555
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.490.000	5.490.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		5.490.000	5.490.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
-Nguyên giá	222		30.618.000	30.618.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.618.000)	(30.618.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.094.639	2.991.555
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.094.639	2.991.555
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.942.511.678	26.718.091.210

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		282.849.345	287.435.615
I. Nợ ngắn hạn	310		282.849.345	287.435.615
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		63.121.879	59.827.743
4. Phải trả người lao động	314		191.200.296	177.657.161
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		28.250.870	49.950.711
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		276.300	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.659.662.333	26.430.655.595
I. Vốn chủ sở hữu	410		26.659.662.333	26.430.655.595
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	29.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.340.337.667)	(2.569.344.405)
- LNST chưa phân phối kỳ trước	421a		(2.569.344.405)	(2.213.345.811)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		229.006.738	(355.998.594)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.942.511.678	26.718.091.210
			-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	3	2	4	5
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		3.135.433.690	3.135.433.690
5. Ngoại tệ các loại	005			-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		-	-
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008			-
6.3 Chứng khoán cầm cố	009			-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	010			-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	011			-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012			-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	013			-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014			-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015			-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty Quản lý Quỹ	020		7.562.370.000	9.362.370.000
8. Tiền gửi của nhà ủy thác đầu tư	030		2.269.122	2.266.886
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2.269.122	2.266.886
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		2.011.000.000	2.011.000.000
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		2.011.000.000	2.011.000.000
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		-	-

Lập biểu



Nguyễn Thị Phương Dung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Dung



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/22 đến 30/06/22	Từ ngày 01/01/21 đến 30/06/21
A	B	C	1	2
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01		1.223.770.242	1.760.800.417
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01- 02)	10		1.223.770.242	1.760.800.417
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	20		1.223.770.242	1.760.800.417
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		720.572.347	536.515
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.715.228.946	1.634.016.052
9. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		229.113.643	127.320.880
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		106.905	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(106.905)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		229.006.738	127.320.880
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		229.006.738	127.320.880
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		78,97	43,90
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Phương Dung



Nguyễn Thị Phương Dung




Lê Quỳnh Chi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ 01/01/22 đến	Từ 01/01/21 đến
			30/06/2022	30/06/2021
			VND	VND
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		723.734.084	1.760.800.417
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(222.485.358)	(193.489.136)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.298.483.719)	(1.363.337.525)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		95.251.830	2.007.337.100
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(292.732.192)	(2.267.353.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(994.715.355)	(56.042.949)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.420.000.000	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		572.347	536.515
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.420.572.347	536.515
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Từ 01/01/22 đến	Từ 01/01/21 đến
			30/06/2022	30/06/2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		2.425.856.992	(55.506.434)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		16.760.364.637	17.114.582.556
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		19.186.221.629	17.059.076.122

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Lập biểu



Nguyễn Thị Phương Dung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Dung

Tổng Giám Đốc



Lê Quỳnh Chi



Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

V/v giải trình biến động lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước

- Căn cứ vào thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính bán niên 2022 của Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Thái Dương;

Tên Công ty : Công ty CP Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Thái Dương

GPKD số : 46/UBCK-GP ngày 20/01/2009 và điều chỉnh mới nhất số 52/GPĐC-UBCK ngày 17/08/2020 do UBCKNN cấp

Địa chỉ : Phòng 28-10, tầng 28, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Quận 7

Điện thoại : 028.5416 0779

Fax: 028.5416 0780

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương (TDC) xin giải trình các lý do lợi nhuận sau thuế bán niên 2022 thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước như sau:

Trong bán niên 2022, doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của công ty giảm, tuy nhiên doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty tăng so với cùng kỳ năm 2021. Do đó, kết quả kinh doanh trong kỳ ghi nhận lãi và thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước. Hiện TDC vẫn đang trong giai đoạn lỗ lũy kế.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu, HC-VP

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Quỳnh Chi